

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2026/DS-PT

Ngày: 10/02/2026

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho;

Các Thẩm phán: Bà Dương Thị Vân và Bà Lê Thị Mỹ Giang;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Huy – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và ngày 10 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 158/2025/TLPT-DS ngày 15 tháng 12 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 07/10/2025 của TAND khu vực 4 - Quảng Ngãi bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 216/2025/QĐ-PT ngày 25 tháng 12 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị H; địa chỉ: A đường số F, phường D, quận D (nay là phường K), Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Như H1.

Địa chỉ liên hệ: 276 N, phường N, thị xã Đ (nay là phường Đ), tỉnh Quảng Ngãi. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đình K; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện M (nay là xã L), tỉnh Quảng Ngãi. (có mặt)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn G, Luật sư Văn phòng L, thuộc đoàn luật sư tỉnh Q. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã L, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Như H1 là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và anh Nguyễn Đình K là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự, vụ án được tóm tắt như sau:

1. Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Bà H và ông K có mối quan hệ quen biết nhau. Bà H có nhiều lần cho ông K vay tiền với tổng số tiền đã cho vay là 2.500.000.000 đồng. Sau khi vay tiền, bà H nhiều lần yêu cầu ông K trả nợ nhưng ông K trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ. Đến ngày 22/9/2022, khi bà H gặp ông K thì có viết giấy thỏa thuận là ông K còn nợ của bà H 2.200.000.000 đồng. Ông K có hứa mỗi tháng sẽ trả cho bà H 3.000.000 đồng. Tuy nhiên, từ sau khi viết giấy thỏa thuận cho đến nay thì ông K mới chỉ trả cho bà H số tiền 19.000.000 đồng (chuyển khoản). Nay bà H yêu cầu ông K phải trả số tiền 2.181.000.000 đồng. Bà H không yêu cầu ông K trả lãi.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Xác định yêu cầu trả nợ của nguyên đơn là căn cứ vào Giấy thỏa thuận đã ký giữa nguyên đơn và bị đơn. Ngoài các khoản nợ đã thể hiện trong Giấy thỏa thuận thì bị đơn không còn nợ nguyên đơn khoản nào khác. Việc khởi kiện là trên cơ sở bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ; đồng thời, theo Giấy thỏa thuận thì bị đơn trả cho nguyên đơn mỗi tháng 3.000.000 đồng thì thời hạn trả nợ là quá lâu: bị đơn không thống nhất với nội dung số tiền trả nợ trong Giấy thỏa thuận nên nguyên đơn muốn chấm dứt thỏa thuận, yêu cầu Tòa án giải quyết xác định cụ thể rõ ràng về số tiền nợ, buộc bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

2. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Nguyễn Đình K trình bày: Ông K và bà H sống chung như vợ chồng từ năm 2021 đến đầu năm 2023 tại nhà của bà H ở thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống thì bà H có chuyển tiền vào số tài khoản của ông K để nhờ ông K trả nợ thay cho bà H trong một số giao dịch vì bản thân bà H không biết sử dụng ứng dụng chuyển tiền trên điện thoại di động.

Đối với “Giấy thỏa thuận” thể hiện nội dung ông K có nợ của bà H 2.200.000.000 đồng thì phần đầu đến ngày 22-9-2022: Số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu) là do ông K viết, phần còn lại là do bà H viết; ông K có ký (phần người mượn tiền) và hứa sẽ có trách nhiệm hàng tháng trả cho bà H 3.000.000 đồng. Tuy nhiên, phần nội dung bà H ghi trong Giấy thỏa thuận là không đúng. Trên thực tế thì vào ngày 01/8/2022 bà H đã nhập vô tài khoản của ông K là 500.000.000 đồng. Trong khoản tiền này ông K đã chuyển lại và chi trả các khoản cho bà H với tổng số tiền là 415.900.000 đồng. Ông K còn nợ lại 84.100.000 đồng. Ngày 07/6/2022, bà H có chuyển vào tài khoản của ông K

1.000.000.000 đồng, nhưng sau đó ông K đều chuyển trả tiền cho người khác thay cho bà H hết. Đối với số tiền bán xe ô tô thì bà H có chuyển cho ông K 100.000.000đồng. Như vậy, ông K chỉ nợ bà H tổng số tiền là 184.100.000 đồng nhưng vì khi lập Giấy thỏa thuận thì bà H đến nhà ông K đòi nợ, la lối, ông K vì sợ người khác nghe không hay, xấu hổ nên ký nhận nợ và hứa trả mỗi tháng 3.000.000đồng.

Nay bà H yêu cầu ông K trả số tiền 2.181.000.000 đồng, ông K không đồng ý.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Theo giấy thỏa thuận thì bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn 3.000.000/tháng. Từ ngày lập Giấy thỏa thuận là ngày 22/12/2023 cho đến thời điểm nguyên đơn khởi kiện là tháng 5 năm 2024 là 04 (bốn) tháng nhưng bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 19.000.000đồng nhiều hơn số tiền bị đơn đã cam kết trả nợ cho nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã không vi phạm về thỏa thuận giữa nguyên đơn với bị đơn; đồng thời, các khoản nợ giữa nguyên đơn với bị đơn đều không thể hiện là vay có thời hạn. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự thì bên cho vay có quyền đòi nợ bất cứ lúc nào nhưng phải báo trước một thời gian hợp lý. Quá trình giải quyết vụ án, cho thấy trước khi khởi kiện nguyên đơn không có yêu cầu bị đơn trả nợ nhưng lại khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn là chưa đảm bảo về điều kiện khởi kiện. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đình chỉ việc giải quyết vụ án vì chưa đủ điều kiện khởi kiện.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2025/DSST ngày 07/10/2025 của TAND khu vực 4 - Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 5; các Điều 144, 147, 186, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 6 Điều 422, Điều 420, các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thị H.

Buộc bị đơn Nguyễn Đình K phải có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị H số tiền: 1.319.200.000đồng (*Một tỉ ba trăm mười chín triệu hai trăm nghìn đồng*).

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo.

** Ngày 17/10/2025, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Như H1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án*

dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Ngày 21/10/2025, bị đơn ông Nguyễn Đình K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng các đương sự đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Như H1 và bị đơn ông Nguyễn Đình K, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn được làm đúng theo thủ tục và trong hạn luật định. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, thay đổi nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn giữ nguyên, không thay đổi, bổ sung hay rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết theo quy định.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đình K:

Ông K cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, chưa làm rõ các khoản tiền vay giữa nguyên đơn và bị đơn. Tổng số tiền bà H chuyển vô tài khoản của ông K 03 lần là 1.600.000.000 đồng, trong khoản tiền này ông K đã chi trả nợ cho bà H hết và chỉ còn nợ bà H 184.100.000 đồng. Ngoài ra, ông K cho rằng giấy thỏa thuận nợ ngày 22/12/2023 là hợp đồng vay không thời hạn, theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự thì bên cho vay có quyền đòi nợ bất cứ lúc nào nhưng phải báo trước một thời gian hợp lý. Nguyên đơn trước khi khởi kiện không có yêu cầu bị đơn trả nợ, bị đơn vẫn thực hiện theo đúng thỏa thuận, việc Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý xét xử vụ án trên là không đúng.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình xét xử sơ thẩm bị đơn đều cho rằng giấy thỏa thuận nợ được viết vào ngày 22/12/2023. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc

thẩm bị đơn ông K trình bày vì không có đủ chứng cứ chứng minh nên chấp nhận theo trình bày của nguyên đơn là giấy thỏa thuận được viết vào ngày 22/9/2022. Căn cứ vào giấy thỏa thuận nợ ngày 22/9/2022 giữa nguyên đơn và bị đơn thể hiện nội dung: “...*Tôi Nguyễn Đình K sẽ có trách nhiệm hàng tháng trả cho bà Huỳnh Thị H số tiền 3.000.000 đồng*”. Như vậy, theo quy định tại Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì giấy thỏa thuận nợ trên được xác định là hợp đồng vay có kỳ hạn, các bên thỏa thuận trả theo từng kỳ hạn.

Căn cứ vào các bản sao kê tài khoản của nguyên đơn và bị đơn thể hiện: Sau ngày 22/9/2022 đến tháng 5/2024 giữa ông K và bà H vẫn chuyển tiền qua lại với nhau nhiều lần cụ thể: Bà H chuyển khoản cho ông K với tổng số tiền là 245.500.000 đồng; ông K chuyển khoản cho bà H với tổng số tiền là 121.300.000 đồng.

Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chưa làm rõ việc chuyển tiền này giữa bà H và ông K sau thời điểm viết giấy thỏa thuận với mục đích gì? Ngoài ra, từ ngày 22/9/2022 đến tháng 5/2024 (thời điểm bà H khởi kiện) theo thỏa thuận thì ông K chỉ phải trả 60.000.000 đồng (là 20 tháng x 3.000.000 đồng) nhưng ông K đã trả cho bà H nhiều hơn số tiền trên. Ngoài ra, ông K còn trình bày chuyển vào tài khoản của con bà H là Nguyễn Huỳnh Q. Vậy, cần làm rõ việc ông K chuyển tiền cho bà H và bà H chuyển tiền cho ông K sau ngày 22/9/2022 là tiền gì, trả cho khoản vay nào và cụ thể là trả bao nhiêu?

Ngoài ra, tại bút lục số 49 sao kê tài khoản của ông K thể hiện bà H có chuyển cho ông K số tiền là 1.000.000.000 đồng vào ngày 07/6/2022 với nội dung: “*Huỳnh Thị H TT tiền mua TD 819 TBD số 6 ấp T xã T hưng huyện phung hiep hau giang*”. Ông K cho rằng bà H chuyển số tiền này để nhờ ông K chuyển tiền mua đất giúp bà H. Tuy nhiên, giấy thỏa thuận ngày 22/9/2022 thể hiện: “*Ngày 6/6 (không thể hiện năm) mượn tiền mua miếng đất bán để mua cây ở quê là 1.000.000.000 đồng*”. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm ông K trình bày ông đã chuyển số tiền 1.000.000.000 đồng cho Võ Thị D là số tiền mua đất cho bà H tại huyện P, tỉnh Hậu Giang. Lời khai của các đương sự có sự mâu thuẫn, cấp sơ thẩm cũng chưa làm rõ nội dung chuyển khoản này, cần thiết có thể yêu cầu các đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc chuyển nhượng diện tích đất trên để đảm bảo giải quyết vụ án.

Xét thấy, nội dung vụ án còn nhiều mâu thuẫn, tại phiên tòa xét xử phúc thẩm phát sinh tình tiết mới, bị đơn thừa nhận ngày chốt nợ là ngày 22/9/2022 theo giấy thỏa thuận nợ giữa bà H và ông K. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đình K – Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 07/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Quảng Ngãi để giải quyết lại theo thủ tục chung.

[3] Đối với kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Như H1, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vì vụ án bị huỷ để giải quyết lại do phát sinh tình tiết mới nên không xem xét đối với kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, phí, lệ phí Tòa án.

Đương sự kháng cáo không phải chịu tiền án phí phúc thẩm. Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đình K, hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 07/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Quảng Ngãi và chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân khu vực 4 – Quảng Ngãi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, phí, lệ phí Tòa án.

Tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xác định lại khi Tòa án sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Trả lại cho bị đơn ông Nguyễn Đình K số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002222 ngày 11/11/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Quảng Ngãi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Vân Lê Thị Mỹ Giang Nguyễn Văn P

Nơi nhận:

- Vụ 2 - TANDTC;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND KV4 - Quảng Ngãi;
- VKSND KV4 - Quảng Ngãi;
- Phòng THADS KV4 – Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

Nguyễn Văn Pho